

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1638/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Ông Nguyễn Thành Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4720/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hồ Ngọc H, sinh năm 1985

Thường trú: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ.

Tạm trú: Tổ E, Ấp I, xã U, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Thường trú: đường V, Tổ O, khu phố K, phường B, Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: X City, Philipin.

*Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Hồ Ngọc H:

Bà và ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1985 tự nguyện kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đ, vào sổ đăng ký kết hôn số 23/2011.

Sau khi kết hôn, thời đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống và cách dạy con cái. Bà và ông C sống ly thân từ năm 2015. Bà và ông C nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2018, ông C đi xuất khẩu lao động tại Philipin, thời gian này bà và ông C thỉnh thoảng có liên lạc để vun đắp tình cảm vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Hữu C ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/12/2012, giới tính: Nam và Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/3/2014, giới tính: Nam. Hiện nay, trẻ H1 và trẻ P đang ở với bà. Bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ H1 và trẻ P cho đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi các con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Tại bản tự khai của ông C đã được xác nhận chữ ký tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Phi-líp-pin ngày 06/7/2020 có nội dung:

Ông và bà Hồ Ngọc H tự nguyện kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đ. Trong quá trình sống chung, giữa ông và bà H có những mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm lối sống. Hiện nay, ông và bà H đã sống ly thân.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông cũng đồng ý để hai bên có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/12/2012, giới tính: Nam và Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/3/2014, giới tính: Nam. Ông đồng ý giao các con chung cho bà Hồ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Hồ Ngọc H đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu C hiện đang sinh sống tại Philipin. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Hồ Ngọc H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án; Ông Nguyễn Hữu C có đơn xin giải quyết vắng mặt đã được xác nhận chữ ký tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Phi-líp-pin ngày 06/7/2020 nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Hồ Ngọc H, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đ cấp cho bà Hồ Ngọc H và ông Nguyễn Hữu C vào sổ đăng ký kết hôn số 23/2011 ngày 23 tháng 02 năm 2011 thì hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu được ly hôn vì những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, lại không có thời gian gần gũi nhau trong cuộc sống, cả hai bên cũng thừa nhận không thể giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt và ông C cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà H và ông C mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu C.

Con chung: Bà Hồ Ngọc H và ông Nguyễn Hữu C khai quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/12/2012, giới tính: Nam và Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/3/2014, giới tính: Nam. Cả hai thống nhất đồng ý giao các con chung cho bà Hồ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi các con chung.

Ông Nguyễn Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C nếu ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà Hồ Ngọc H và ông Nguyễn Hữu C khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà Hồ Ngọc H và ông Nguyễn Hữu C khai không có.

[3] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Hồ Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Ngọc H và ông Nguyễn Hữu C khai có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Ngọc H.

Quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Ngọc H được ly hôn với và ông Nguyễn Hữu C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2011 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đ cấp ngày 23 tháng 02 năm 2011 cho bà Hồ Ngọc H và ông Nguyễn Hữu C không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/12/2012, giới tính: Nam và Nguyễn Gia P, sinh ngày 28/3/2014, giới tính: Nam cho bà Hồ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Nguyễn Hữu C cấp dưỡng nuôi các con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con chung của ông C theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C nếu ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091716 ngày 09/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Ngọc H đã nộp đủ.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà Hồ Ngọc H nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với ông Nguyễn Hữu C thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND xã M, huyện L, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (Linh/18b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**